

DIỄN ĐÀN “NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM”

MỘT QUY LUẬT ĐƠN GIẢN VỀ BỎ DẤU TRONG TIẾNG VIỆT

PHAN HUY PHÚ

(TS Toán học; Đại học Thăng Long)

Lời Tòa soạn: Tiếng Việt là ngôn ngữ có thanh điệu, gồm 6 thanh và được ghi bằng 5 kí hiệu tương ứng với cách gọi quen thuộc là “dấu thanh” (trừ thanh ngang với kí hiệu không dấu). Cho đến nay, liên quan đến dấu thanh, còn có các ý kiến khác nhau về thứ tự các dấu thanh (chẳng hạn, “huyền”, “hỏi”, “ngã”, “sắc”, “nặng” hay “huyền”, “hỏi”, “sắc”, “ngã”, “nặng”, v.v.) và việc đặt dấu thanh trên âm tiết. Trong Diễn đàn lần này, Tạp chí xin trân trọng giới thiệu ý kiến trao đổi của Tiến sĩ toán học Phan Huy Phú, Hiệu trưởng Trường Đại học Thăng Long về việc đặt dấu thanh trên âm tiết.

1. Phát biểu quy luật

a. Trong một vần, dấu được đặt vào nguyên âm nào đứng trước tiên trong sơ đồ sau:

$a(\text{ă}, \text{â}) \rightarrow e(\text{ê}) \rightarrow o(\text{ô}, \text{ơ}) \rightarrow y \rightarrow u(\text{u}, \text{i}) (*)$

b. Nếu trong vần chỉ có những nguyên âm “u”, “ư” và “i” thì dấu được đặt vào nguyên âm nào đứng trước trong vần.

2. Xem xét các ngoại lệ

Phần “Phụ lục” ở cuối bài này đã chỉ ra tất cả các trường hợp không theo quy luật phát biểu trên đây. Ta hãy xem xét các ngoại lệ đó.

2.1. Các vần “oa”, “oe” và “uy”

Có nơi bỏ dấu ở “o” trong “oa”, “oe” và bỏ dấu ở “u” trong “uy”. Tuy nhiên, trong “Từ điển tiếng Việt” (In lần thứ tư, 1995) của Viện Ngôn ngữ học, trong tất cả các chữ có vần “oa”, “oe” hay “uy”, dấu đều được đặt ở “a”, “e” hay “y”. Ngoài ra, nếu sau “oa”, “oe” hay “uy” còn có một phụ âm thì không ai đặt dấu ở “o” hay “u”. Ví dụ: người ta viết “hoàn”, “khoảnh”, “loãng”, “loẹt”, “nhoẽn”, “túýt”, “hùynh hụych”... mà không viết “hòan”, “khỏảnh”, “lỗang”, “lọet”, “nhỏen”, “túyt”, “hùynh hụych”.

2.2. Các chữ “quì”, “quí”, “quĩ”, “quị”, “quị”

Đây là cách viết mới được đưa vào của các chữ “quỳ”, “quỷ”, “quỹ”, “quý”, “quỵ”. Trong cuốn “Từ điển tiếng Việt” được dẫn ở trên, các chữ này vẫn được viết là “quỳ”, “quỷ” ...

2.3. Các vần “ua”, “ư” và “ia”

Theo truyền thống, dấu được đặt ở “u”, “ư” hay “i” chứ không đặt ở “a”. Trong cuốn “Từ điển tiếng Việt” đã nêu, dấu trong các chữ có vần “ua”, “ư” hay “ia” cũng đều được đặt ở “u”, “ư” hay “i”.

3. Kết luận

Theo cách viết trong cuốn “*Từ điển tiếng Việt*” được dẫn ở trên của Viện Ngôn ngữ học thì chỉ có các vần “*ua*”, “*ư*” và “*ia*” không theo quy luật bỏ dấu nêu trên. Từ đó, ta có thể đưa ra quy tắc sau:

(a) Trong một vần, dấu được đặt vào nguyên âm nào đứng trước tiên trong sơ đồ sau:

$a(\tilde{a}, \hat{a}) \rightarrow e(\tilde{e}) \rightarrow o(\tilde{o}, \hat{o}) \rightarrow y \rightarrow u(u, i)$

(b) Nếu trong vần chỉ có những nguyên âm “*u*”, “*ư*” và “*i*” thì dấu được đặt vào nguyên âm đứng trước trong vần.

(c) Đối với các vần “*ua*”, “*ư*” và “*ia*”, dấu được đặt vào nguyên âm đứng trước trong vần.

Cũng có thể phát biểu gọn hơn như sau:

(a) Nếu trong vần chỉ có những nguyên âm “*a*”, “*u*”, “*ư*” và “*i*” thì dấu được đặt vào nguyên âm đứng trước trong vần.

(b) Nếu trong vần có những nguyên âm khác với bốn nguyên âm nói trên thì dấu được đặt vào nguyên âm nào đứng trước tiên trong sơ đồ sau:

$a(\tilde{a}, \hat{a}) \rightarrow e(\tilde{e}) \rightarrow o(\tilde{o}, \hat{o}) \rightarrow y \rightarrow u(u, i)$

4. Phụ lục: Tìm ngoại lệ

4.1. Trường hợp vần chỉ có 01 nguyên âm:

Đương nhiên dấu được đặt ở nguyên âm duy nhất của vần.

Các chữ sau đây tuy có hai nguyên âm nhưng vần của chúng chỉ có một nguyên âm nên cũng thuộc trường hợp này: *già*, ..., *giạt*, *giặc*, ..., *giết*, *giác*, ..., *giật*, *giẻ*, ..., *giệp*, *giền*, *gìn*, *giò*, ..., *giọt*, *giỗ*, ..., *giộp*, *giờ*, ..., *giờn*, *giữ*, ..., *giúp*, *giữ*, *giựt*.

Như vậy việc bỏ dấu cho các vần chỉ có một nguyên âm theo đúng quy luật nêu trên (phát biểu (a)).

4.2. Trường hợp vần có đúng 2 nguyên âm:

a/ Vần có nguyên âm “*a*” hoặc “*ă*”, “*â*” (chỉ có 13 tổ hợp: *ao*, *oa*, *ay*, *au*, *ua*, *ai*, *ia*, *ư*, *ây*, *âu*, *oă*, *uă*, *uă*)

Ta có: *háo*, *toán*, *hãy*, *cáu*, *lãi*, *đẩy*, *cầu*, *hoặc*, *luật*, *quắc* ...

Các chữ sau đây tuy có ba nguyên âm nhưng vần của chúng chỉ có hai nguyên âm nên cũng thuộc trường hợp này: *giải*, *giải*, *giáo*, *giáo*, *giày*, *giã*, *giàu*, *giấu*, *giậu*, *giấy*, *giấy*, *giấy*.

Như vậy, đối với 10 trong 13 tổ hợp nói trên, tất cả dấu đều được đặt ở nguyên âm “*a*” (“*ă*”, “*â*”), tức là nguyên âm của vần đứng trước tiên trong sơ đồ (*), như phát biểu (a) của “quy luật”.

Ngoại lệ:

- Đối với 3 tổ hợp còn lại là “*ua*”, “*ư*” và “*ia*”: dấu thường được đặt ở “*u*”, “*ư*” và “*i*” chứ không được đặt ở “*a*” (trừ các chữ: *quà*, *quả*, *quá*, *quạ*). Ví dụ: *túa*, *bũa*, *lụa*, *cựa*, *giữa*, *lừa*, *tĩa*, *phĩa*, *khĩa*, ...

- Đối với vần “*oa*”, có nơi đặt dấu ở “*o*” mà không đặt ở “*a*”. Ví dụ: *hòa*, *tọa*, *xõa*, ...

b/ Trường hợp vần có nguyên âm “*e*” hoặc “*ê*” mà không có “*a*”, “*ă*”, “*â*” (Chỉ có 7 tổ hợp: *eo*, *oe*, *ue*, *êu*, *iê*, *uê*, *yê*)

Ta có: *nhèo*, *hoẽn* (trong *hoen hoẽn*), *què*, *nếu*, *biệt*, *tuệ*, *yến* ...

Chữ sau đây tuy có ba nguyên âm nhưng vần của chúng chỉ có hai nguyên âm nên cũng thuộc trường hợp này: *giệu* (trong “*giệu giở*”).

